TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH AN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024 "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc G (Kim Ngọc), sinh năm 1997; địa chỉ: hẽm Phạm Ngọc Thạch, tổ 12, khóm Châu Long 7, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp An Long, xã An Thạnh T, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc G trình bày*, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 8 năm 2003 vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống

không tình cảm, không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay cự cải, anh H không lo làm ăn, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi. Nay nH thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nH kết hôn số 122 ngày 22.8.2023 do Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G (bản sao).

Anh Ngô Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nH được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị G không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G và anh Ngô Văn H tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nH và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay, chị G yêu cầu ly hôn với anh H.

Xét thấy, xuất phát từ việc vợ chồng không cùng quan điểm sống dẫn đến không còn tình cảm với nhau, thường xuyên cự cải. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng ly thân cả hai không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nH yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nH yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc G đối với anh Ngô Văn H.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn H, anh H cư trú ấp An Long, xã An Thạnh T, huyện Chợ M, tỉnh An G. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Ngô Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Ngọc G và anh Ngô Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nH và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị G và anh H thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, và không còn sống chung từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu ly hôn của chị G với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc G xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Ngô Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc G.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Ngô Văn H.

Giấy chứng nH kết hôn số 122 ngày 22.8.2023 do Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G cấp cho chị Nguyễn Ngọc G và anh Ngô Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc G xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nH chị Nguyễn Ngọc G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị G và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014939 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An G cấp ngày 16 tháng 01 năm 2024; Chị Nguyễn Ngọc G đã nộp đủ án phí.

Anh Ngô Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Ngọc G có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Ngô Văn H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nH:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An G (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An G (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn